

5. BÙI HỮU NGHĨA (1807-1872) và NGUYỄN THỊ TỒN.

✕ Bùi Hữu Nghĩa là một trong những nhà thơ tiêu biểu ở Nam bộ thế kỷ 19. Bùi Hữu Nghĩa lấy hiệu là Nghi Chi, ông sinh năm 1807, quê tại thôn Long Thiên, tổng Định Thới, trấn Vĩnh Thanh (nay là xã Long Xuyên, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ). Thuở nhỏ, ông lên Biên Hòa, thọ giáo thầy đồ Hoành⁽¹⁾ ở làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng (nay là phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa). Nhờ thông minh, học giỏi năm 1835 (năm Minh Mạng thứ 16) ông thi đậu thủ

⁽¹⁾ Thầy đồ Hoành là tướng kiệt hiệt trong cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi (?) ông cùng một số thân sĩ và con trai Khôi là Lê Văn Câu bị giải về Huế xử lăng trì (tháng 7 năm 1835)

khoa tại kỳ thi Hương ở Gia Định và được bổ làm Tri huyện huyện Phước Long (Theo Nguyễn Đình Đầu - là Tri huyện chứ chưa làm Tri phủ và nổi nhất là chức Quản cơ khi mộ nghĩa quân đánh Pháp), tỉnh Biên Hòa. Sau khi nhậm chức ở Biên Hòa, thủ khoa Nghĩa đã kết duyên với bà Nguyễn Thị Tôn, là con gái của ông Hộ trưởng Nguyễn Văn Lý làng Mỹ Khánh (nơi ông đã trọ học ở Biên Hòa năm xưa). Bà Nguyễn Thị Tôn sau đã trở thành một phụ nữ trung trinh, tiết liệt và làm rạng danh phụ nữ xứ Đồng Nai - Nam bộ qua truyền kỳ lịch sử "một mình vượt vạn dặm ra kinh đô Huế để minh oan cho chồng" khi Bùi Hữu Nghĩa bị án oan ở Trà Vinh. x

Bùi Hữu Nghĩa, sau thời gian trấn nhậm ở Biên Hòa, ông được chuyển đến làm Tri huyện Trà Vang (tỉnh Trà Vinh ngày nay). Do bản tính cương trực lại là người đại nghĩa, ghét bọn xu nịnh, cường hào, hay bênh vực quyền lợi người yếu thế cho nên ông đã bị án oan tử hình nhân vụ "Láng Thè" của người Khơ-me ở Trà Vinh. Nguyên rạch Láng Thè có nguồn cá lớn và người dân Khơ-me được vĩnh viễn miễn thuế khai thác do đặc ân của tiên đế Gia Long hàm ân khi ông lánh nạn ở đây. Trong khi đó, giới Hoa kiều được bảo trợ dưới tay bọn cai tổng trong tỉnh đứng đầu là Bồ Chánh Truyện làm tỉnh trưởng và Trương Văn Uyển làm Tổng đốc. Cả Uyển và Truyện đều giao độc quyền khai thác hoa lợi rạch Láng Thè cho bọn Hoa kiều, có ăn lót hối lộ. Vì vậy đã xảy ra vụ việc tranh chấp dẫn đến bạo động giữa người Khơ-me và nhóm Hoa kiều. Rốt cuộc Bùi Hữu Nghĩa là người bị bọn cường hào quyền thế ở địa phương qui tội cầm đầu thổ dân chống đối quan lại triều đình và ông bị triều đình xử tội chết. Chính lúc này, bà Nguyễn Thị Tôn người vợ mẫu mực đảm đang của ông đã tỏ rõ khí tiết của người chinh phụ xứ Đồng Nai. Bà đã thân chinh phạm nữ dặm trường bằng cách quá giang ghe bầu từ Mỹ Tho ra tới để đô để minh oan cho chồng. Tại triều đình Huế, bà tới đình Thượng thư bộ Lại Phan Thanh Giản bày tỏ nỗi oan của chồng và đã được bậc minh quan hết lòng giúp đỡ (ông viết cáo trạng và chỉ dẫn cho bà cách trình tâu

nơi công đường). Canh năm, bà tới trước Tam pháp ty mạnh dạn đánh ba hồi trống kêu oan làm chấn động cả tam cung lục viện. Vua Tự Đức đã cho đòi bà vào châu. Trước ngai rồng, bà đội bản cáo trạng vừa khóc lóc thảm thiết vừa biện bạch cho nỗi oan khiên của chồng. Vua Tự Đức nghe xong, liền giao cho bộ Hình xét xử. Sau khi thẩm định, bộ Hình tuyên án "Tha cho Bùi Hữu Nghĩa khỏi tử hình, nhưng phải quản tiền hiệu lực, đái công lập công", nghĩa là phải ra trận lập công chuộc tội.

Nơi chốn hoàng thành, nghe tin có người đàn bà ở tận Đồng Nai lặn lội ra kinh đô minh oan cho chồng, bà Từ Dũ tức Thiên Nghi Chương hoàng hậu (mẹ vua Tự Đức) đã cho vời bà Tồn vào cung yết kiến và cho tâu qua mọi việc. Hoàng hậu Từ Dũ vô cùng cảm kích và truyền ban tặng cho người đàn bà trung hậu, gan dạ một tấm biển đề bốn chữ vàng "Liệt phụ khả gia".

Sau sự kiện chấn động kinh kỳ, mọi người ai cũng biết chuyện và vô cùng khâm phục cho người phụ nữ xứ Đồng Nai, còn Bùi Hữu Nghĩa rất đỗi tự hào và cảm động về người vợ quá đỗi son sắt, quá cảm của mình.

Khi bà Nguyễn Thị Tồn trở về đến quê hương thì Bùi Hữu Nghĩa đã phải khâm lệnh đi trấn đồn Vĩnh Thông (Châu Đốc), nơi xa xôi, hẻo lánh. Vào đúng thời gian này, tin dữ đã đến với ông, bà Nguyễn Thị Tồn, người vợ khá ái của ông đã lâm trọng bệnh và qua đời tại quê nhà (làng Mỹ Khánh, Biên Hòa). Vì quá xa xôi, bất tiện, ông không thể trở về Biên Hòa để lo đám tang vợ. Quả là nỗi bất hạnh cho ông, cuộc hôn nhân giữa Bùi Hữu Nghĩa và Nguyễn Thị Tồn đã quá nhiều gian truân, trắc trở. Sinh thời, hai ông bà chưa được bao năm ở bên nhau, khi lâm chung lại càng cách trở. Xúc động trước nghĩa tình của bà Tồn, người có ảnh hưởng quyết định đến vận mạng của ông mà ông chưa kịp báo đáp, nên nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa đã khóc thương vợ mình qua bài văn tế đáng lưu truyền vào lịch sử văn học :

"Hỡi ôi!

Xưa nay dặng mấy người trọn vẹn, phân sắc tài hừng phải luy cái thân.

Vợ chồng mà nghe nổi mận nóng, cơn sanh tử ý khôn ngàn giọt lệ".

Ông tự trách mình :

"Tở nghèo mình lo giúp, tờ oan mình lo kêu - triều quân đều khen mình đáng vợ

Mình đau tờ chẳng nuôi, mình mất tờ chẳng táng, giang sơn then mất tờ làm chồng".

Hay lời tha thiết trong văn tế rất xứng đáng với bà :

"Nơi kinh quốc ba hồi trống gióng, biên bạch này oan nọ ức, dặng hiền lương mất thấy thấy đau lòng;

Chón tỉnh đường một tiếng thét vang, hấn hời lẽ chánh lời nghiêm, lữ bằng dặng tai nghe đều hết vía".

Hoặc tha thiết, ai oán hơn, ông phạm thượng cả trời và đất so với nỗi đau mất vợ :

"Đất chẳng phải chồng, sao nữ thịt xương hòa với đất
Trời không chết vợ, dặng coi gan ruột thử cho trời".

Quả là một mối tình chung thủy xứng đôi "Rồng vàng Bùi Hữu Nghĩa và liệt phụ Nguyễn Thị Tồn" ở trên đời biết mấy ai sánh được.

Sau khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam kỳ, triều đình ngày càng nhân nhượng với Pháp, các sĩ phu cũng chán ngán ẽ chề, tâm lý của Bùi Hữu Nghĩa cũng thay đổi. Ông từ quan trở về quê dạy học và bốc thuốc chữa bệnh, cứu giúp nhân dân với lý tưởng "tiên vì quan, thoái vì sư". Ngoài ra, ông còn một thú vui điển viên và sáng tác văn học, thơ ca. Trước cảnh nhân tình thế thái ông cảm hứng làm rất nhiều

bài thơ, văn, phú, vãn tế... đều thể hiện một lòng yêu nước, thương dân, ca ngợi ý chí quật cường, tinh thần đoàn kết dân tộc cùng đạo lý thủy chung của con người, giữ gìn nhân cách trong sáng.... Đặc biệt vở tuồng "Kim, Thạch kỳ duyên" như một điểm sáng lấp lánh nơi sự nghiệp văn chương của Bùi Hữu Nghĩa. Vở tuồng biên soạn năm 1865 tuy có phần khó diễn nhưng ngôn ngữ uyên bác chứng tỏ tài năng và ý chí của tác giả mở ra một thời kỳ mới cho sân khấu hát tuồng Nam bộ. ✕

Ngày 21 tháng giêng năm Nhâm Thân (1872) thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa từ trần, thọ 65 tuổi, an táng ở làng Long Xuyên, Cần Thơ. Còn bà Nguyễn Thị Tôn sinh và mất năm nào không rõ, nhưng có lẽ năm sinh gần đồng niên với ông và mất khi mới ngoài 30 tuổi.

✕ Với sự nghiệp văn chương của ông, Bùi Hữu Nghĩa được xem là một trong bốn Rừng vàng của Đồng Nai - Nam bộ mà nhân dân đã truyền tụng : ✕

*"Đồng Nai có bốn rừng vàng,
Lộc họa, Lễ phú, San đàn, Nghĩa thi"*

Mỗi nhân duyên của Bùi Hữu Nghĩa và Nguyễn Thị Tôn thực sự là một bài tình ca đẹp và lãng mạn lưu truyền cho hậu thế. Bạc trai tài xứng với gái sắc thật vẹn toàn. Văn thơ của Bùi Hữu Nghĩa phản ánh đúng hiện thực, phê phán xã hội phong kiến suy tàn và là những áng văn đi vào lòng người, được truyền tụng qua cái tình và cái tài lớn (sau này đã được Nguyễn Đình Chiểu và Phan Văn Trị đồng tình hưởng ứng). Bài vãn tế vợ của Bùi Hữu Nghĩa chẳng những nói rõ được khúc nối của mình mà còn làm sáng danh một người vợ phi phạm, hiếm có trong xã hội, được người đời ca tụng.

✕ Tên tuổi của Bùi Hữu Nghĩa tồn tại song song với danh phận của liệt phụ khả gia Nguyễn Thị Tôn. Bà xứng đáng là người con của xứ "Hào khí Đồng Nai". ✕